DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 43 (2018 - 2022) ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT 5

TT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Số TCTL	Điểm TBC hệ 10	Điểm TBC hệ 4	Hạng	Ngành
1	430103	Lê Ngọc	Ánh	22/05/2000	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	126	7.28	2.84	Khá	Luật
2	430217	Đặng Thị Tiểu	Lan	16/04/2000	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	7.51	2.95	Khá	Luật
3	430220	Nông Bích	Ngọc	08/07/2000	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	129	7.18	2.77	Khá	Luật
4	430236	Nguyễn Vân	Anh	22/07/2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.07	2.74	Khá	Luật
5	430322	Nguyễn Thị	Thùy	22/10/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	141	7.81	3.2	Giỏi	Luật
6	430324	Ngô Hương	Ly	23/09/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.45	2.94	Khá	Luật
7	430325	Phan Triệu Thu	Thảo	28/03/2000	Hà Giang	Nữ	Tày	Việt Nam	139	7.9	3.21	Giỏi	Luật
8	430360	Đoàn Thị Phương	Thảo	02/12/1999	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	127	6.98	2.66	Khá	Luật
9	430363	Hà Phương	Linh	01/11/1999	Hoà Bình	Nữ	Thái	Việt Nam	130	7.06	2.69	Khá	Luật
10	430535	Giàng Khái	Hùng	20/11/2000	Hà Giang	Nam	HMông	Việt Nam	128	7.05	2.67	Khá	Luật
11	430560	Triệu Văn	Lâm	07/01/1999	Lạng Sơn	Nam	Nùng	Việt Nam	130	7.69	3.1	Khá	Luật
12	430606	Phan Thị	Giang	26/02/2000	Bình Phước	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.64	3.11	Khá	Luật
13	430613	Nguyễn Tiến	Anh	28/11/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	128	8.16	3.39	Giỏi	Luật
14	430621	Trịnh Thị	Trang	29/04/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	127	7.68	3.07	Khá	Luật
15	430622	Cù Đức	Hiếu	25/12/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	130	7.34	2.89	Khá	Luật
16	430630	Phạm Khánh	Duy	13/10/2000	Lào Cai	Nam	Kinh	Việt Nam	130	7.14	2.82	Khá	Luật
17	430660	Hoàng Văn	Mạnh	07/02/1999	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	129	6.84	2.59	Khá	Luật
18	430666	Dethdesa	Soukhavong	19/05/1999	Lào	Nam	Lào	Lào	133	6.65	2.5	Khá	Luật
19	430716	Lã Thị	Hà	26/06/2000	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.46	3	Khá	Luật
20	430723	Phạm Hải	Lâm	06/12/2000	Hải phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	133	7.14	2.76	Khá	Luật
21	430807	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/01/2000	hưng yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.46	2.98	Khá	Luật
22	430810	Lê Thị Thanh Thanh	Huyền	30/03/2000	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.14	2.77	Khá	Luật
23	430831	Hoàng Thị Giang	Na	16/08/2000	Hà Giang	Nữ	Nùng	Việt Nam	131	8.12	3.35	Giỏi	Luật
24	430833	Bùi Hoàng	Minh	30/03/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	151	7.22	2.84	Khá	Luật
25	430837	Lê Quang	Tâm	03/01/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	128	7.38	2.89	Khá	Luật
26	430841	Đặng Thị Ngọc	ánh	31/07/2000	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.11	2.74	Khá	Luật
27	430928	Trần Việt	Hoàng	17/05/2000	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	129	7.18	2.83	Khá	Luật
28	430963	Nông Huy	Hoàng	12/01/1999	Cao Bằng	Nam	Tày	Việt Nam	130	7.03	2.69	Khá	Luật
29	431008	Lê Huy	Hùng	25/06/2000	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	131	6.93	2.65	Khá	Luật
30	431054	Đặng Quỳnh	Trang	03/02/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	7.91	3.25	Giỏi	Luật
31	431150	Mùi Thị Minh	Nguyệt	26/09/2000	Sơn La	Nữ	Bana	Việt Nam	129	7.76	3.16	Khá	Luật
32	431225	Đỗ Quốc	Khoa	11/08/1999	Hải Dương	Nam	Kinh	Việt Nam	127	7.46	2.96	Khá	Luật

33	431234	Trần Thị Phương	Anh	13/08/2000	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	137	7.8	3.19	Khá	Luật
34	431242	Đàm Nhân	Lâm	06/11/2000	Hải Dương	Nam	Kinh	Việt Nam	132	7.24	2.79	Khá	Luật
35	431306	Nguyễn Minh	Quân	29/09/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	144	7.83	3.2	Giỏi	Luật
36	431317	Phạm Quan Diệu	Linh	09/10/2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.33	2.87	Khá	Luật
37	431342	Nguyễn Thị Thu	Huyền	08/01/2000	Hòa Bình	Nữ	Thái	Việt Nam	129	7.4	2.92	Khá	Luật
38	431456	Chu Hiểu	Vy	03/03/2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	7.71	3.13	Khá	Luật
39	431463	Đàm Thị	Hoa	15/09/1999	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Việt Nam	136	7.44	2.91	Khá	Luật
40	431503	Phùng Quốc	Tuấn	09/07/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	128	7.39	2.96	Khá	Luật
41	431521	Trần Thị	Ly	01/11/2000	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.38	2.92	Khá	Luật
42	431525	Đào Thị	Huệ	12/12/1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.51	3.04	Khá	Luật
43	431557	Nông Tuấn	Anh	24/04/1999	Cao Bằng	Nam	Tày	Việt Nam	131	7.09	2.72	Khá	Luật
44	431559	Triệu Mùi	Nhậy	11/11/1999	Cao Bằng	Nữ	Dao	Việt Nam	128	7.42	2.97	Khá	Luật
45	431602	Lê Đức	Thành	13/05/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	139	7.28	2.88	Khá	Luật
46	431613	Lê Thu	Phương	23/08/2000	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	131	7.63	3.03	Khá	Luật
47	431661	Nông Ngọc	Lưu	25/10/1992	Lâm Đồng	Nam	Tày	Việt Nam	135	7.91	3.2	Giỏi	Luật
48	431716	Nguyễn Chỉ	Bảo	20/07/1999	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Việt Nam	128	7.58	3.03	Khá	Luật
49	431828	Trần Minh	Thọ	26/10/2000	Hòa Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	128	7.06	2.71	Khá	Luật
50	431842	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/03/2000	Hà Nam	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	8.05	3.35	Giỏi	Luật
51	431932	Cầm Diệp	Linh	12/08/2000	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	136	7.88	3.23	Giỏi	Luật
52	431935	Đinh Nguyễn Hoàng	Duyên	21/07/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	132	7.54	3.07	Khá	Luật
53	431948	Vũ Thị	Chinh	01/05/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.64	3.05	Khá	Luật
54	431960	Đỗ Hồng	Hải	26/02/1999	Quảng Ninh	Nam	Tày	Việt Nam	129	7.06	2.69	Khá	Luật
55	432004	Đào Quang	Huy	13/08/1996	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	130	7.25	2.82	Khá	Luật
56	432032	Trần Tùng	Dương	05/06/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	128	7.02	2.68	Khá	Luật
57	432035	Phạm Thành	Đạt	21/01/2000	Hải Phòng	Nam	Kinh	Việt Nam	126	7.29	2.85	Khá	Luật
58	432041	Đinh Thanh	Huyền	25/09/2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	131	7.55	3.01	Khá	Luật
59	432044	Nguyễn Mai	Phương	22/06/2000	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	131	7.34	2.92	Khá	Luật
60	432128	Quản Ngọc	Mai	24/11/2000	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	126	7.3	2.85	Khá	Luật
61	432159	Nguyễn Trọng	Tấn	14/09/2000	Liên Bang Nga	Nam	Kinh	Việt Nam	129	7.42	2.93	Khá	Luật
62	432207	Bùi Khánh	Linh	27/09/2000	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.73	3.14	Khá	Luật
63	432209	Đỗ Minh Như	Hải	30/09/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	128	7.32	2.87	Khá	Luật
64	432221	Nông Thanh	Tuyền	19/11/1997	Cao Bằng	Nam	Nùng	Việt Nam	128	7.01	2.71	Khá	Luật
65	432242	Lê Thị Diễm	Quỳnh	16/09/2000	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	8.18	3.38	Giỏi	Luật
66	432258	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	7.4	2.95	Khá	Luật
67	432309	Đàm Tuyết	Nhung	02/04/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.6	3.08	Khá	Luật kinh tế
68	432358	Trần Thị	Tú	20/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	126	7.42	2.93	Khá	Luật kinh tế
69	432420	Nguyễn Trang	Nhung	21/11/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	126	7.42	2.96	Khá	Luật kinh tế

70	432555	Phạm Ngọc	Nhung	25/09/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	133	7.88	3.2	Giỏi	Luật kinh tế
71	432564	Đàm Quang	An	14/11/2000	Cao Bằng	Nam	Tày	Việt Nam	129	7.32	2.9	Khá	Luật kinh tế
72	432666	Hoàng Tùng	Lâm	10/07/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	129	7.61	3.04	Khá	Luật kinh tế
73	432820	Nguyễn Anh	Thư	28/08/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	131	7.85	3.2	Giỏi	Luật kinh tế
74	432909	Dương Vũ	Quang	19/10/2000	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Việt Nam	129	7.6	3.06	Khá	Luật thương mại quốc tế
75	432946	Phạm Thái	An	18/03/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	138	7.86	3.2	Giỏi	Luật thương mại quốc tế
76	433015	Đỗ Hồng	Minh	17/08/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	140	7.9	3.22	Giỏi	Luật thương mại quốc tế
77	433025	Đặng Thị Phương	Anh	21/10/2000	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	136	7.83	3.21	Giỏi	Luật thương mại quốc tế
78	433158	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	01/01/2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	131	8.04	3.32	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
79	433240	Đoàn Hà Phương	Anh	27/11/1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	130	7.91	3.23	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
80	433253	Đặng Bùi Thiên	Trang	10/06/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	127	7.6	3.04	Khá	Ngôn ngữ Anh
81	433266	Nguyễn Huy	Hiệp	17/03/1996	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	131	7.46	2.97	Khá	Ngôn ngữ Anh
82	433425	Nguyễn Lê	Vân	08/08/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	140	7.88	3.18	Khá	Luật chất lượng cao
83	433506	Đào Phương	Anh	13/08/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	129	7.53	3	Khá	Luật chất lượng cao
84	433618	Chu Thị	Nguyệt	08/01/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	128	7.7	3.11	Khá	Luật chất lượng cao
85	433633	Phạm Ngọc	Dũng	25/08/2000	Hải Dương	Nam	Kinh	Việt Nam	128	8.11	3.31	Giỏi	Luật chất lượng cao

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

CÁN BỘ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN **PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN** **TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

KHOA PL DÂN SỰ **KHOA PL HÌNH SỰ** **KHOA PL HÀNH CHÍNH NN** **KHOA PL QUỐC TẾ**

VIỆN LUẬT SO SÁNH **KHOA PL KINH TẾ** **KHOA PL THƯƠNG MẠI QT** **KHOA PK NGOẠI NGỮ PL**